

cấp tài sản, tháng 3 năm 2005, bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị bắt tạm giữ ngày 02 tháng 10 năm 2018 sau đó bị tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T*: Luật sư Hồ Lý H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 02 tháng 10 năm 2018, Lê Văn T đi nhờ xe ô tô mang Biển số 73A-013.78 do Nguyễn Quốc V, sinh năm 1973 ở Tổ dân phố 12, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình điều khiển từ thành phố Đ đến nhà của Lê Quang N, sinh năm 1984 ở thôn 2, thị trấn Nông trường L, huyện L1, tỉnh Quảng Bình chơi. Sau đó T mượn xe ô tô của V chạy đến địa điểm trước Nhà máy xi măng A trên đường Hồ Chí Minh lấy ma túy do T đã mua của một đối tượng có tên là Tẹo với giá 40 triệu đồng và cất giấu ở đó rồi tiếp tục quay về nhà của Lê Quang N. Sau đó V điều khiển xe chở T và Lê Quang N đến nhà Nguyễn Đức B1, sinh năm 1982 ở thôn H1, xã S, huyện L1, tỉnh Quảng Bình hỏi mua cây phong lan. Sau khi đến nhà Nguyễn Đức B1 thì V và Lê Quang N vào nhà của Nguyễn Đức B1 chơi, còn T ngồi trên xe và gọi điện thoại rủ Lê Văn B2, sinh năm 1990 ở thôn 6, thị trấn Nông trường L, huyện L1, tỉnh Quảng Bình đến chơi và cùng ngồi trên xe ô tô. Đến 09 giờ cùng ngày, trong lúc T và Lê Văn B2 đang ngồi trên xe ô tô thì bị Đoàn Công an L thuộc Công an huyện L1, tỉnh Quảng Bình phối hợp với Công an xã S phát hiện, bắt quả tang, thu giữ ở túi quần phía sau T đang mặc gồm: 05 túi nilon màu xanh chứa tổng cộng 782 viên nén màu hồng và 12 viên nén màu xanh, 01 túi nilon chứa các mảnh vỡ viên nén màu hồng, 03 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng, 02 túi nilon chứa chất bột màu trắng, 03 túi nilon chứa chất tinh thể màu vàng, 04 túi nilon chứa tinh thể màu trắng và một số đồ vật khác. T khai nhận tất cả số viên nén, chất tinh thể và chất bột bị thu giữ là ma túy do T mua từ người tên Tẹo nhằm mục đích vừa sử dụng, vừa bán lại cho người khác, do T chưa kịp bán thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Tại Bản kết luận giám định số 1107 ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 1,338g; Mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 1,892g; Mẫu ký hiệu A3 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,495g; Mẫu ký hiệu A4 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine và Ketamine, khối lượng 9,286g; Mẫu ký hiệu A5A gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 79,081g; Mẫu ký hiệu A5B gửi giám định có khối lượng 1,174g không đủ cơ sở kết luận có phải là chất ma túy hay không vì lượng mẫu ít. Heroin nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 09 Danh mục I; Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 323, Danh mục II; Ketamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 35, Danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

1. 05 (năm) túi nilon màu xanh chứa 782 viên nén màu hồng và 12 viên nén màu xanh;
2. 01 (một) túi nilon chứa các mảnh vỡ viên nén màu hồng;
3. 03 (ba) túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng;
4. 02 (hai) túi nilon chứa chất bột màu trắng;
5. 03 (ba) 03 túi nilon chứa chất tinh thể màu vàng;
6. 04 (bốn) túi nilon chứa tinh thể màu trắng;
7. 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia đã qua sử dụng, bên trong có 02 sim;
8. 01 (một) cân tiểu ly điện tử hiệu Amput màu đen đã qua sử dụng.

Vật chứng vụ án đang được tạm giữ để đảm bảo giải quyết vụ án.

Do số ma túy thu giữ có nhiều loại, căn cứ Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng khối lượng các chất ma túy thu giữ của Lê Văn T được xác định như sau:

- Heroine và Methamphetamine được quy định trong cùng một điểm thuộc các khoản của Điều 251 Bộ luật Hình sự, nên khối lượng sẽ là: $79,081\text{g} + 0,495\text{g} = 79,576\text{g}$, có tỷ lệ so với mức tối thiểu quy định tại điểm b khoản 4

Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (100g) là: $(79,576g : 100g) \times 100\% = 79,576\%$;

- Hỗn hợp Ketamine và Methamphetamine (mẫu A4), khối lượng 9,286g, không cùng nằm trong một điểm thuộc các khoản của Điều 251 Bộ luật Hình sự và qua giám định không xác định được tỷ lệ của các chất cụ thể có trong hỗn hợp. Theo quy định Ketamine thuộc nhóm các chất ma túy khác ở thể rắn, có mức định lượng nhẹ hơn Methamphetamine. Theo nguyên tắc có lợi cho người bị buộc tội nên quy về khối lượng của chất Ketamine. Như vậy tổng khối lượng Ketamine sẽ là: $9,286g + 3,23g$ (mẫu A1 + mẫu A2) = 12,516g, có tỷ lệ so với mức tối thiểu quy định tại điểm e khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (300g) là: $(12,516g : 300g) \times 100\% = 4,172\%$.

Tổng tỷ lệ phần trăm khối lượng các chất ma túy là: $79,576\% + 4,172\% = 83,748\%$ (thuộc trường hợp dưới 100%). Do tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của các chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 là dưới 100% nên tổng khối lượng các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối tượng có tên Tèo theo lời khai của T là người đã bán ma túy cho T nhưng do không có đầy đủ thông tin, địa chỉ nơi cư trú nên không có cơ sở để điều tra, xử lý; các đối tượng Nguyễn Quốc V, Lê Quang N, Lê Văn B2, Nguyễn Đức B1 có mặt tại thời điểm Lê Văn T bị bắt quả tang nhưng do những người này không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Văn T nên không có căn cứ để xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 10/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn T.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T **16 (mười sáu) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 10 năm 2018, ngày bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó bị tạm giam.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý tang vật, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/4/2019, bị cáo Lê Văn T kháng cáo cho rằng bản án hình sự sơ thẩm là quá nặng so với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về quan điểm về vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251, các điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo T mức án 16 năm tù là đúng pháp luật; do vậy đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 BLTTHS bác kháng cáo của bị cáo giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Luật sư trình bày: Bị cáo có hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, việc bán các chất ma túy là do bị cáo khai ra nên đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tự thú; mức án 16 năm tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là quá nghiêm khắc, đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 355, Điều 357 BLTTHS sửa bản án sơ thẩm, giảm án cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa đã trình bày, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy:

Ngày 02/10/2018, Lê Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 79,08g Methamphetamine; 0,495g Heroine; 12,516g Ketamine là các chất ma túy nhằm mục đích bán cho người khác để kiếm lời thì bị bắt quả tang. Tòa án sơ thẩm đã áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” xử phạt bị cáo Lê Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tòa án sơ thẩm đã áp dụng như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết vụ án, ba ruột bị cáo là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017. Ngoài ra, bà của bị cáo là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, mức án 16 năm tù mà Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm về hình phạt tù.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội: Bị cáo Lê Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn T; sửa bản án sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về phần hình phạt tù như sau:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn T.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T **15 (mười lăm) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 10 năm 2018, ngày bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó bị tạm giam.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn T.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 10/4/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Trị (bị cáo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ, Phòng HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn